

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-7-2023

V/v : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Nhuận

Ông Lại Minh Liễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Hoàng Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N; Sinh năm 1971; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà F, tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Bích H; Sinh năm 1963.

Tại: Phố B, thành phố M, Cộng hòa Liên bang Đức.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Phố B, thành phố M, Cộng hòa Liên bang Đ). Số hộ chiếu: LF08TH6V9, Ngày cấp: 20/11/2020 tại thành phố M. (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/02/2023 và bản tự khai ngày 16/6/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Văn N trình bày:

Về hôn nhân: ông N và bà Lê Thị Bích H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân thành phố Hà Nội (Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01); hai người chưa tổ chức lễ cưới vì sau khi đăng ký kết

hôn được 02 ngày thì bà H quay trở về Cộng hòa Liên bang Đức sinh sống còn ông N ở lại Hà Nội để thu xếp công việc. Hai người hẹn nhau một thời gian sau ông N sẽ sang Đức để chung sống với bà H. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình nên ông N không thể sang Đức sinh sống được, bà H cũng không đồng ý về Việt Nam để chung sống với ông N. Đến đầu năm 2022, ông N chuyển về Điện Biên sinh sống và đang cư trú tại số nhà F, tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Vì ông N và bà H không chung sống với nhau nên không có sự quan tâm, chăm sóc, động viên và chia sẻ công việc gia đình với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không được vun đắp. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên ông N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Bích H.

Về con chung, con riêng: Ông N và bà H không có con chung, không có con nuôi hợp pháp nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà H không có tài sản chung, không vay tài sản ai, cũng không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bà H ở xa không thể về Việt Nam và cũng đồng ý ly hôn nên ông N đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý, bà Lê Thị Bích H trình bày:

Bà H và ông Nguyễn Văn N đăng ký kết hôn ngày 30/01/2015 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, bà H đã quay trở về sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Đức, ông N có hẹn một thời gian sau ông N sẽ sang Đức sinh sống. Tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình nên ông N không thể sang Đức sinh sống cùng bà H được. Do không sống chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau thực hiện các công việc trong gia đình, tình cảm vợ chồng không được vun đắp nên dần trở nên xa cách. Nay ông N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên giải quyết cho ông N được ly hôn, bà H nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung, con riêng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà H thống nhất với lời khai của ông N.

Bà H xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử của Tòa án; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Lê Thị Bích H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, bà Lê Thị Bích H đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N.

- Về án phí và lệ phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc ông N phải chịu 300.000 đồng án phí và 200.000 đồng tiền lệ phí ủy thác tư pháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Bích H kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (theo Giấy Chứng nhận đăng ký kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 30/01/2015) nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về “*Ly hôn*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: xét thấy bị đơn - bà Lê Thị Bích H, đang cư trú tại nước Cộng hòa Liên bang Đức còn nguyên đơn Nguyễn Văn N đang thường trú tại tổ dân phố F, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 123; khoản 1, khoản 2 Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thấy rằng đây là vụ án tranh chấp ly hôn có yếu tố nước ngoài và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Do đang sinh sống tại nước Cộng hòa Liên bang Đức, điều kiện đi lại khó khăn nên bà Lê Thị Bích H xin phép được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử; bà H đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228; điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn Lê Thị Bích H.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của ông Nguyễn Văn N thấy rằng:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Bích H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 30/01/2015 (BL 02), đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do hoàn cảnh gia đình và cách trở về địa lý nên ông N và bà H không có thời gian chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình theo quy định tại điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, có cơ sở kết luận mục đích hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Bích H không đạt được, ông N đề nghị được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.] Về con chung: hai người cùng khai vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: ông N và bà H cùng khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí và lệ phí:

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai 0000062 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: ông Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 0000063 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 1, khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 464, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477; khoản 1 Điều 273; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn N với bà Lê Thị Bích H.
- Về con chung, tài sản chung, công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

2.1. Về án phí: ông Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai 0000062 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: ông Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại biên lai số 0000063 ngày 06/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Ông Nguyễn Văn N đã nộp đủ tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/7/2023); bà Lê Thị Bích H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND. TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng